CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cao Su Đà Nẵng

Ngày 31/12/2024	28,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.4%	**-0.2%**	**-**

DT thuần
Q4/24
1,118
tỷ VNĐ
QoQ: ▼100| -8.2%
YoY: ▲ 21.0| 1.9%

LN thuần
Q4/24
73.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.3| 20.2%
YoY: ▼48.9| -40.1%

LN sau thuế
Q4/24
59.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.2| 28.9%
YoY: ▼36.7| -38.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
6.6%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE
2024
12.3%
YoY: +/-▼ 0.8%

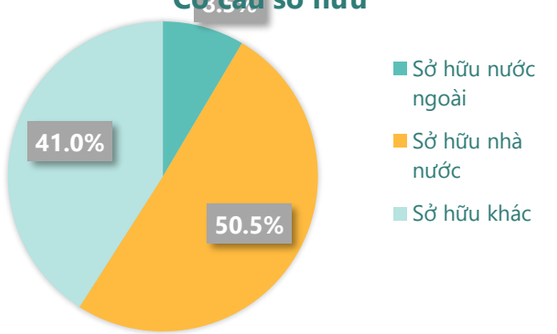
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,772 - 36,815
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,386
Số lượng CPLH (CP)	118,792,605
KLGD BQ 20 phiên (CP)	610,295
Sở hữu nước ngoài	8.5%
Beta	1.22
EPS	1,950
P/E	14.6

DT thuần
2024
4,673
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 178| 4.0%

LN thuần
2024
291
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.0| -5.3%

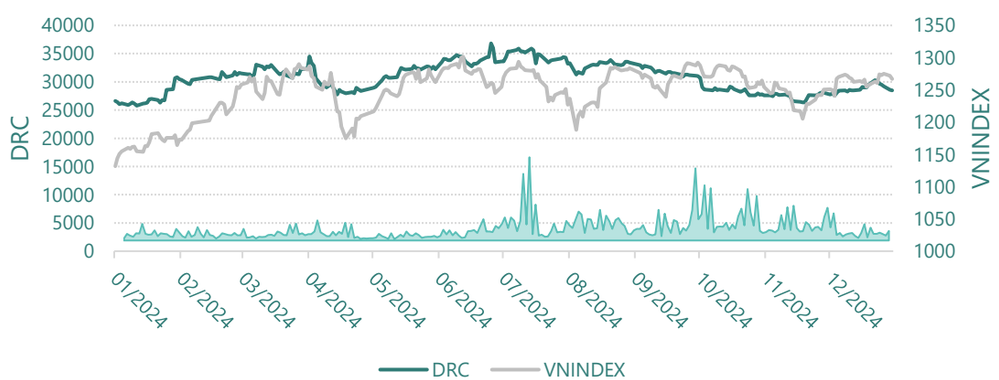
LN sau thuế
2024
232
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.0| -5.9%

Cơ cấu sở hữu

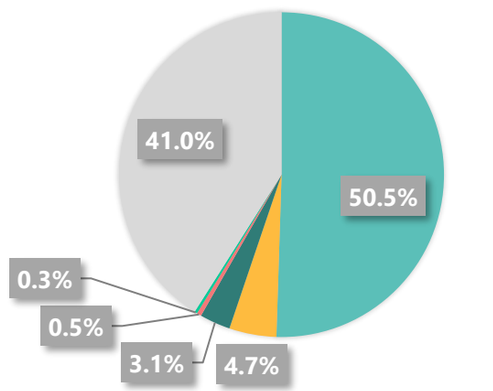


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



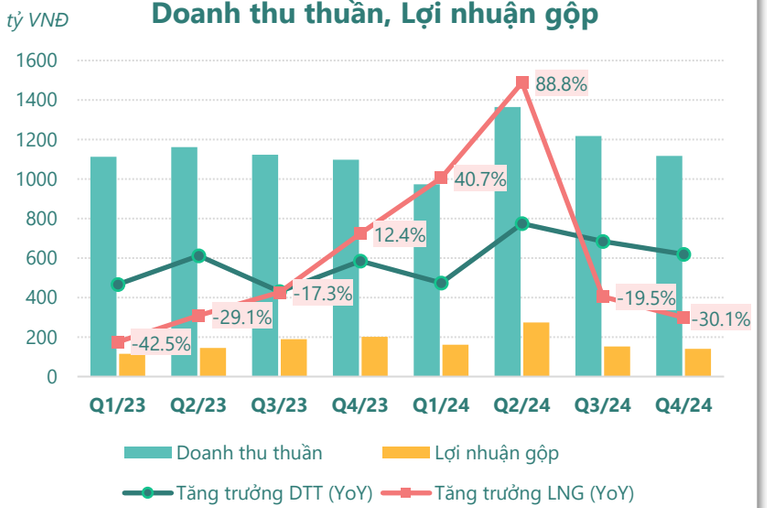
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

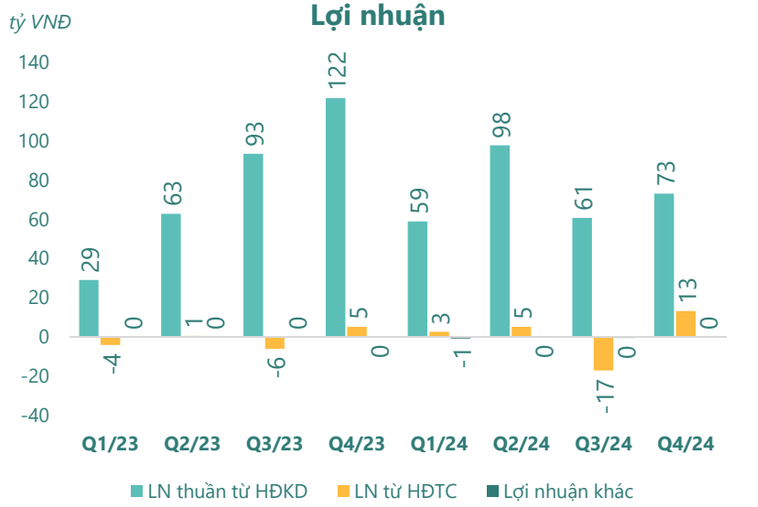
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



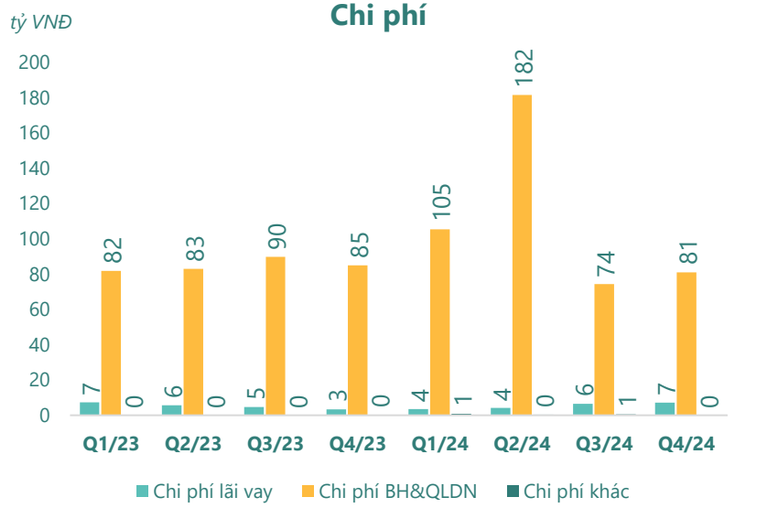
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



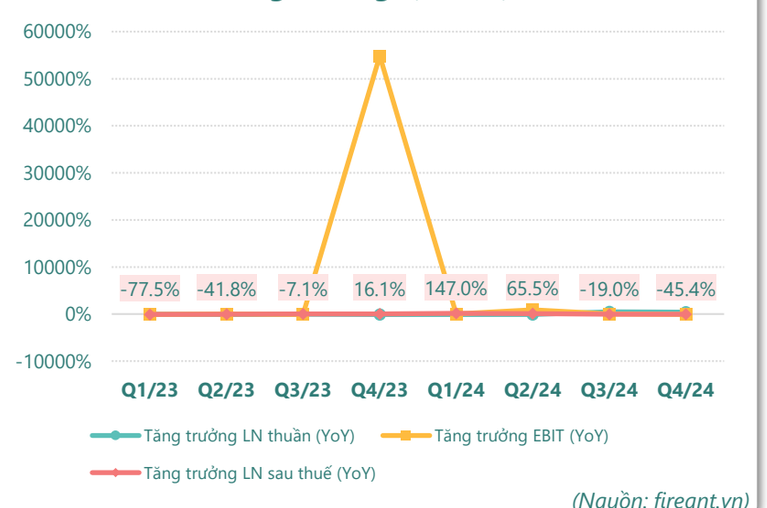
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



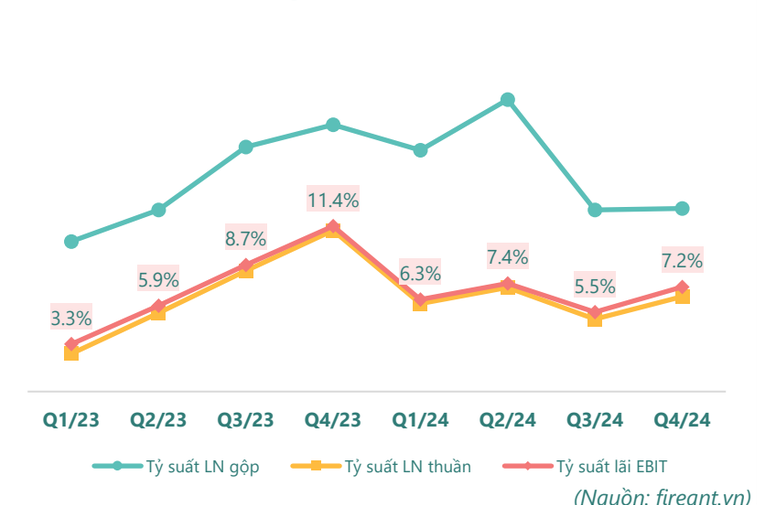
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



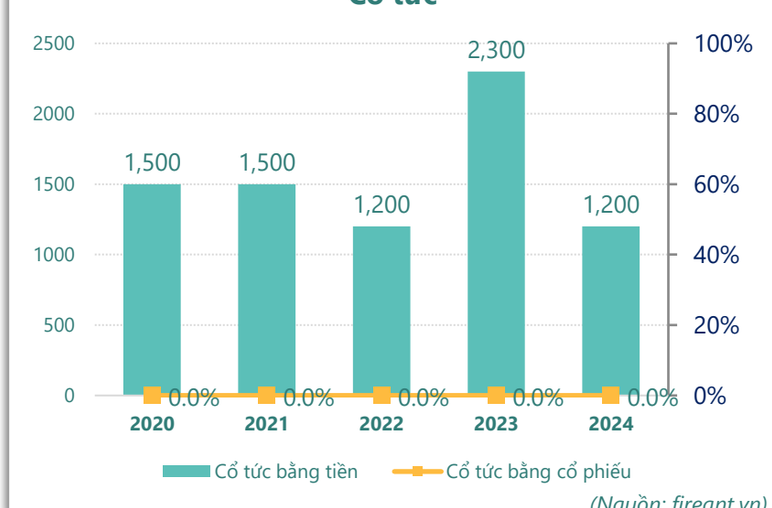
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

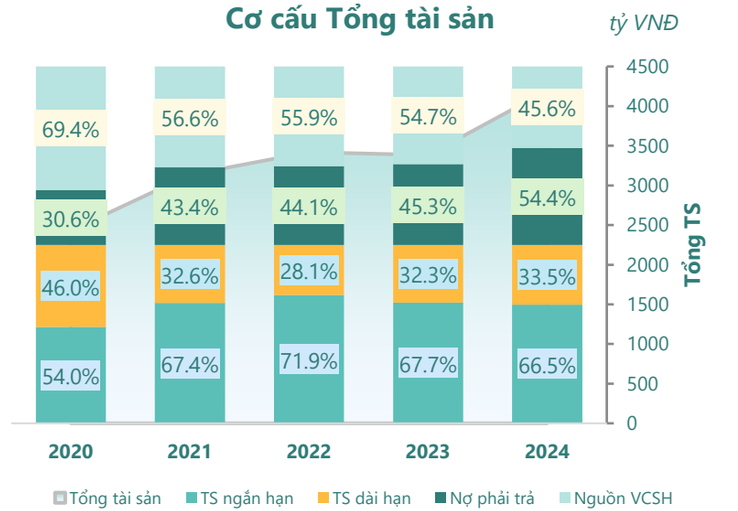
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

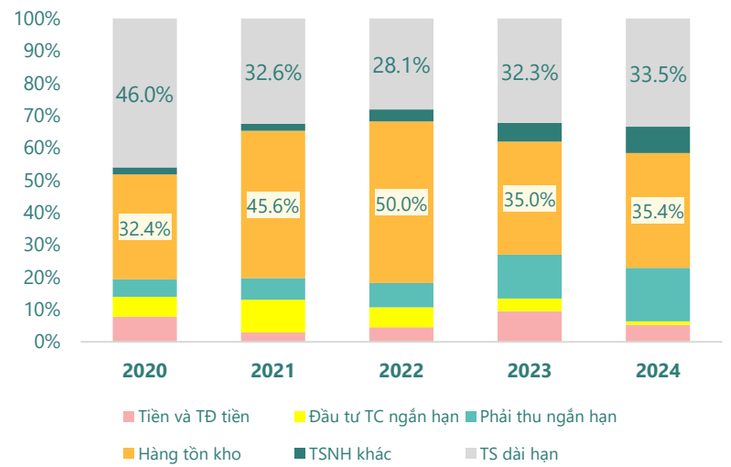
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



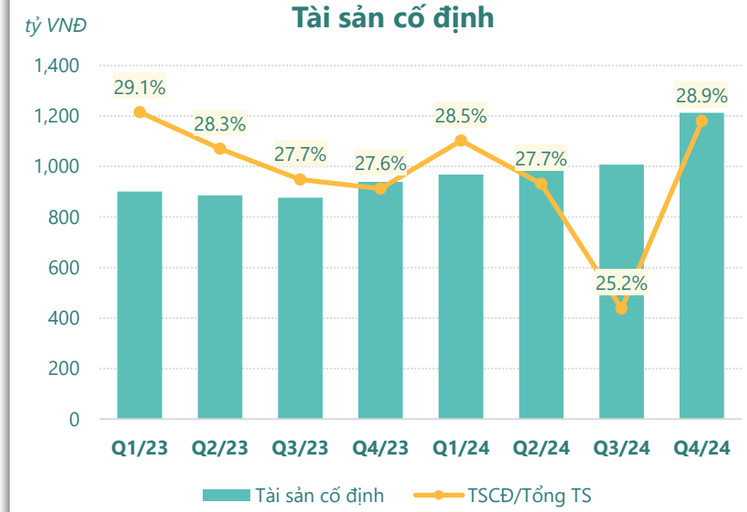
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



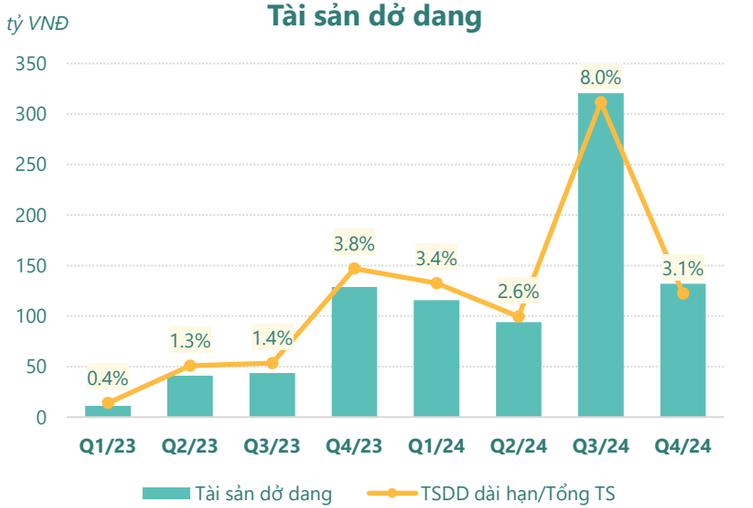
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



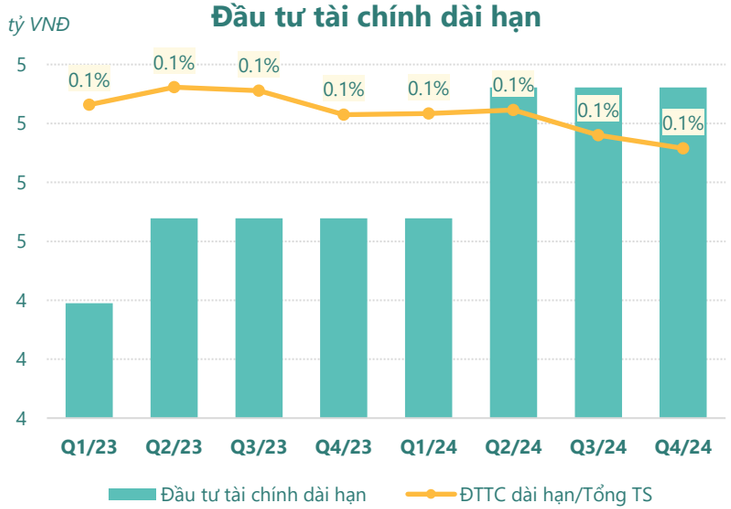
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



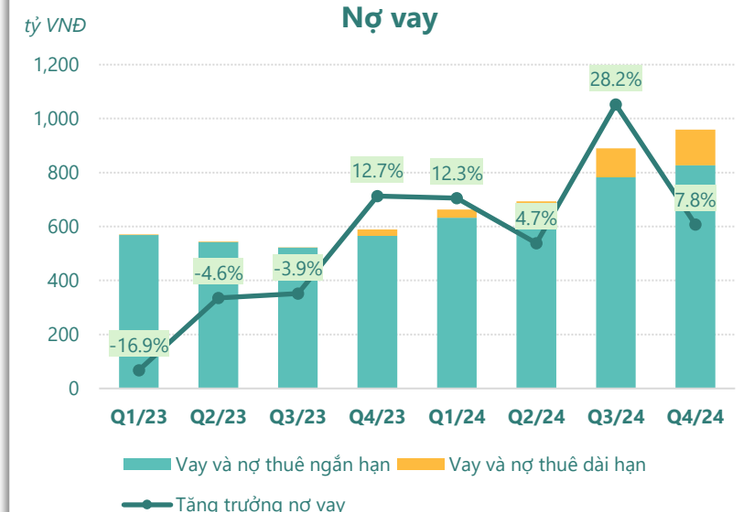
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

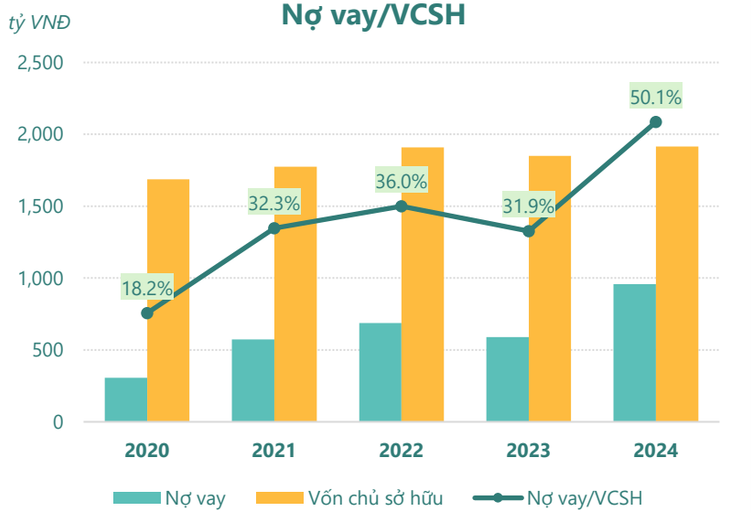
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

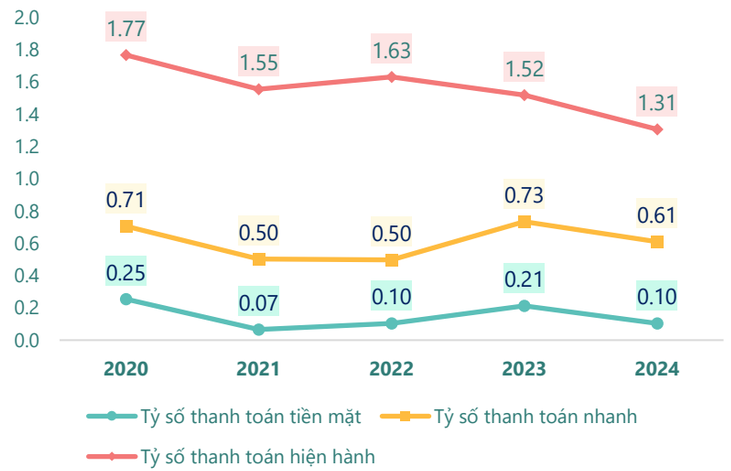
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



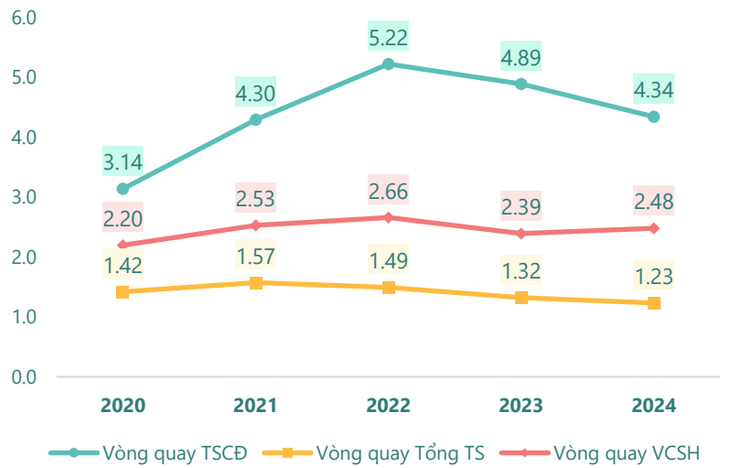
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



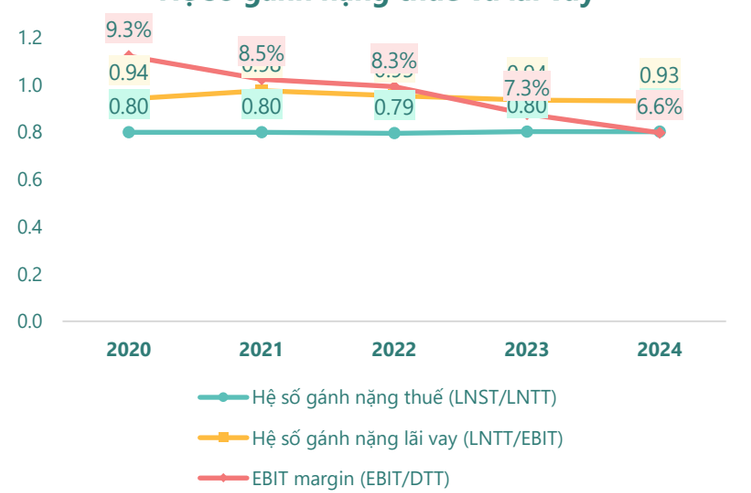
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



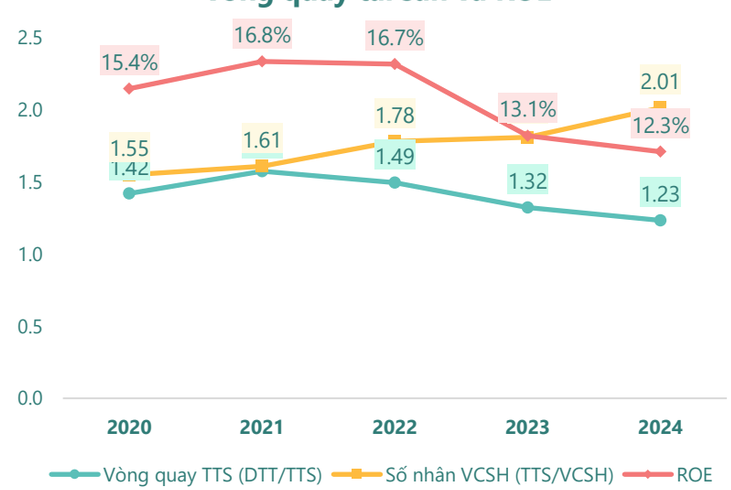
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



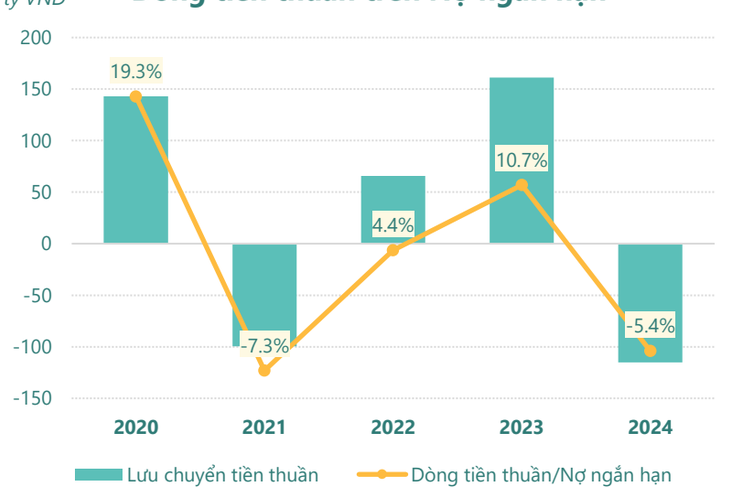
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,118**	**1,097**	**1.9%**	**4,673**	**4,495**	**4.0%**
Giá vốn hàng bán	977	896	9.0%	3,944	3,847	2.5%
Lợi nhuận gộp	141	202	-30.2%	729	649	12.5%
Doanh thu HĐTC	31.7	16.3	94.4%	69.9	55.2	26.8%
Chi phí TC	18.5	11.2	65.0%	66.3	57.2	15.9%
Chi phí lãi vay	7.20	3.35	115%	21.4	21.1	1.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	49.4	71.1	-30.6%	348	268	30.0%
Chi phí QLDN	**31.7**	**13.9**	**128%**	**94.5**	**71.9**	**31.5%**
LN thuần từ HĐKD	73.1	122	-40.1%	291	307	-5.3%
Lợi nhuận khác	**0.20**	**-0.12**	**263%**	**-1.53**	**0.10**	**-1595%**
LN trước thuế	73.3	122	-39.9%	289	307	-5.8%
Lợi nhuận sau thuế	**59.1**	**95.8**	**-38.3%**	**232**	**246**	**-5.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**59.1**	**95.8**	**-38.3%**	**232**	**246**	**-5.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.3	67.7	-51.8	115	-198	24.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-42.6	10.5	-49.6	-18.1	-165	-5.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.3	71.3	13.5	-50.4	198	71.0
Tiền đầu kỳ	153	169	321	237	285	124
Lưu chuyển tiền thuần	**15.9**	**149**	**-87.8**	**46.6**	**-165**	**90.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.11	2.52	3.95	1.77	3.37	6.21
Tiền cuối kỳ	169	321	237	285	124	221

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,196**	**3,384**	**24.0%**
Tài sản ngắn hạn	2,790	2,292	21.7%
Tiền và tương đương tiền	221	321	-31.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	134	-66.4%
Phải thu ngắn hạn	697	457	52.5%
Hàng tồn kho	1,487	1,184	25.6%
Tài sản ngắn hạn khác	341	196	73.9%
Tài sản dài hạn	**1,406**	**1,092**	**28.7%**
Phải thu dài hạn	0.39	0.47	-17.7%
Tài sản cố định	1,213	939	29.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	132	106	24.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.12	4.68	9.5%
Tài sản dài hạn khác	**55.7**	**42.4**	**31.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,281	1,533	48.8%
Nợ ngắn hạn	**2,135**	**1,508**	**41.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	826	565	46.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	943	537	75.8%
Nợ dài hạn	146	24.8	487%
Vay và nợ thuê dài hạn	133	24.8	435%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,916**	**1,851**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,915**	**1,851**	**3.5%**
Vốn điều lệ	1,188	1,188	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.26**	**0.35**	**-27.3%**

(Nguồn: fireant.vn)